

Số: 483/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 05 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ và phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH, ngày 03/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Trường Huy

Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG**

(Kèm theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI (04 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)							
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (1.011606)	75 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). Định kỳ từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã (UBND xã)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.	
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011607)	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ); 25 ngày làm việc trong trường hợp có khiếu nại	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã (UBND xã)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.	
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011608)	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ); 25 ngày làm việc trong trường hợp có khiếu nại	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã (UBND xã)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.	
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (1.011609)	15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ); 18 ngày làm việc trong trường hợp có khiếu nại	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã (UBND xã)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Cư trú; - Luật Bảo hiểm y tế; - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư	

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p> nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo. </p>	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (03 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục TTHC	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)				
1	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm (1.000489)	Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cấp xã được chuẩn hóa thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm (1.000506)	Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cấp xã được chuẩn hóa thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	
3	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế (2.000602)	Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính cấp xã được chuẩn hóa thực hiện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025	

- Tổng số danh mục TTHC công bố mới: 04 TTHC
- Tổng số danh mục TTHC bãi bỏ: 03 TTHC
- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần: 04 TTHC

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TỈNH CAO BẰNG
(Kèm theo Quyết định số 483/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

1. Quy trình giải quyết TTHC: «Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm»

Quy trình số: BTXH-01

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
I.	Quy trình giải quyết tại cấp xã		70 ngày
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ, nghiên cứu tham mưu đề xuất giải quyết thủ tục hành chính	Công chức văn hóa xã hội cấp xã	03 ngày
Bước 3	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình; Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát; niêm yết công khai kết quả và phúc tra (nếu có).	Ban chỉ đạo cấp xã	65 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt văn bản báo cáo cấp huyện.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 5	Vào sổ văn bản, chuyển hồ sơ (điện tử và bản giấy) đến Phòng LĐ-TB&XH, UBND cấp huyện, thành phố xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
II.	Quy trình giải quyết tại cấp huyện, thành phố		05 ngày
Bước 1	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, chuyển bộ phận chuyên môn xử lý.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, thành phố	0,5 ngày
Bước 2	Xem xét, phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo Phòng Lao động - TBXH	0,5 ngày
	Thụ lý, giải quyết hồ sơ (kiểm tra, thẩm định hồ sơ, dự thảo kết quả giải quyết TTHC)	Công chức Phòng Lao động - TBXH	2,5 ngày
	Xem xét, thẩm định kết quả giải quyết	Lãnh đạo Phòng Lao động - TBXH	0,5 ngày
Bước 3	Xem xét, phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo UBND cấp huyện	0,5 ngày
Bước 4	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ, chuyển kết quả cho UBND cấp xã (điện tử và bản giấy)	- Bộ phận Văn thư - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, thành phố	0,5 ngày
Bước 5	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			75 ngày làm việc

2. Quy trình giải quyết TTHC: «Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm»

Trường hợp 1: Không có khiếu nại thì thời gian giải quyết TTHC 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Quy trình số: BTXH-02A

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình; Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.	Ban chỉ đạo cấp xã	10 ngày
Bước 3	Niêm yết, thông báo công khai	Ban chỉ đạo cấp xã	03 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ.	Bộ phận tiếp văn thư cấp xã	0,5 ngày
Bước 6	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

Trường hợp 2: Có khiếu nại thì thời gian giải quyết TTHC 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Quy trình số: BTXH-02B

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố và rà soát viên thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình; Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.	Ban chỉ đạo cấp xã	10 ngày
Bước 3	Niêm yết, thông báo công khai	Ban chỉ đạo cấp xã	03 ngày
Bước 4	Xem xét, kết luận, niêm yết công khai nội dung khiếu nại, phê duyệt văn bản đề nghị thực hiện chính sách	Ban chỉ đạo cấp xã	10 ngày
Bước 5	- Trường hợp đủ điều kiện: Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ.	Bộ phận văn thư cấp xã	0,5 ngày
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			25 ngày làm việc

3. Quy trình giải quyết TTHC: «Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm»

Trường hợp 1: Không có khiếu nại thì thời gian giải quyết TTHC 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Quy trình số: BTXH-03A

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình; Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.	Ban chỉ đạo cấp xã	10 ngày
Bước 3	Niêm yết, thông báo công khai	Ban chỉ đạo cấp xã	03 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt quyết định công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ.	Bộ phận văn thư cấp xã	0,5 ngày
Bước 6	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

Trường hợp 2: Có khiếu nại thì thời gian giải quyết TTHC 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ**Quy trình số: BTXH-03B**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình; Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát.	Ban chỉ đạo cấp xã	10 ngày
Bước 3	Niêm yết, thông báo công khai	Ban chỉ đạo cấp xã	03 ngày
Bước 4	Xem xét, kết luận, niêm yết công khai nội dung khiếu nại, phê duyệt văn bản đề nghị thực hiện chính sách	Ban chỉ đạo cấp xã	10 ngày
Bước 5	- Trường hợp đủ điều kiện: Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt quyết định công nhận hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo. - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ.	Bộ phận văn thư cấp xã	0,5 ngày
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			25 ngày làm việc

4. Quy trình giải quyết TTHC «Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình»

Trường hợp 1: Không có khiếu nại thì thời gian giải quyết TTHC 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

Quy trình số: BTXH-03A

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu thập thông tin, tính điểm hộ gia đình.	Ban chỉ đạo cấp xã	08 ngày
Bước 3	Niêm yết, thông báo công khai	Ban chỉ đạo cấp xã	05 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 5	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ.	Bộ phận văn thư cấp xã	0,5 ngày
Bước 6	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

Trường hợp 2: Có khiếu nại thì thời gian giải quyết TTHC 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ**Quy trình số: BTXH-03B**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ và chính xác theo quy định) - Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Ban chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu thập thông tin, tính điểm hộ gia đình.	Ban chỉ đạo cấp xã	08 ngày
Bước 3	Niêm yết, thông báo công khai	Ban chỉ đạo cấp xã	05 ngày
Bước 4	Tổ chức phúc tra (khi có khiếu nại)	Ban chỉ đạo cấp xã	03 ngày
Bước 5	- Trường hợp đủ điều kiện: Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, phê duyệt quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình. - Trường hợp không đủ điều kiện: Lãnh đạo UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu hồ sơ.	Bộ phận văn thư cấp xã	0,5 ngày
Bước 7	Xác nhận trên phần mềm một cửa thông tin về kết quả đã có tại Bộ phận một cửa, thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			18 ngày làm việc